TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/KDTM-ST
Ngày: 26/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Quí

2. Bà Lê Thị Mộng Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2019/TLST-KDTM ngày 20/5/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2019/QĐXXST-KDTM ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2019/QĐST-KDTM ngày 05/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng M (có mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2019).

2. Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T (vắng mặt)

Địa chỉ: phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Minh T (vắng mặt)

Địa chỉ: phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hồng M trình bày:

Công ty B (sau đây gọi tắt là Công ty) đã vay vốn tại Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 220917-4020712-01-SME ngày

03/10/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 03/10/2017. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B:

1. Theo Khế ước nhận nợ số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 203.949.073đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng /01 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thời hạn trả nợ: Bên vay trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 10/11/2017, tổng cộng 12 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc và lãi là 17.000.000đồng, riêng kỳ cuối trả nợ gốc và lãi là 16.949.073đồng.

2. Theo Khế ước nhận nợ số 171017-3887053-01-SME ngày 17/10/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 24.002.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay vốn là thanh toán cho hóa đơn số 0000636 ngày 07/10/2017 cho Công ty H. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng /01 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thời hạn trả nợ: Bên vay trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 10/11/2017, tổng cộng 12 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc và lãi là 2.100.000đồng , riêng kỳ cuối trả nợ gốc và lãi là 902.000đồng.

Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Võ Minh T theo Hợp đồng bảo lãnh số 220917-4020712-01-SME/HĐBL ngày 03/10/2017.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng:

+ Theo Khế ước nhận nợ số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017: Đã thanh toán nợ gốc 34.000.000đồng và số tiền nợ lãi là 9.990.515đồng.

+ Theo Khế ước nhận nợ số 171017-3887053-01-SME ngày 17/10/2017: đã thanh toán nợ gốc là 4.211.877 đồng và nợ lãi là 1.349.653đồng .

Kể từ ngày 11/01/2018, Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty B thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/10/2019 của Hợp đồng cho vay hạn mức số: 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 03 tháng 10 năm 2017 là 339.009.236đồng gồm nợ gốc 189.739.196đồng, nợ lãi 136.429.146đồng, phạt chậm trả lãi là 12.840.894đồng. Cụ thể:

+ Theo Khế ước nhận nợ số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017: tiền gốc còn phải trả là 169.949.073đồng, tiền lãi từ ngày 03/10/2017 đến 08/10/2019 là 122.584.366đồng (lãi trong hạn là 3.923.091đồng, lãi quá hạn là 118.661.275đồng, phạt chậm trả lãi là 11.569.646đồng). Tổng cộng là 304.103.086đồng.

+ Theo Khế ước nhận nợ số 171017-3887053-01-SME ngày 17/10/2017: tiền gốc còn phải trả là 19.790.123đồng, tiền lãi từ ngày 17/10/2017 đến 08/10/2019 là 13.844.780đồng (lãi trong hạn là 458.521đồng, lãi quá hạn là 13.386.259đồng, phạt chậm trả lãi là 1.271.248đồng). Tổng cộng là 34.906.151đồng.

- Ngoài ra, kể từ ngày 09/10/2019, Công ty vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp Công ty không trả nợ được thì ông Võ Minh T phải thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh số 220917-4020712-01-SME/HĐBL ngày 03/10/2017.

Bị đơn Công ty B vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có trụ sở tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[5] Hợp đồng cho vay hạn mức số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 03/10/2017, Khế ước nhận nợ số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Khế ước nhận nợ số 171017-3887053-01-SME ngày

17/10/2017 giữa Công ty B (Công ty) và Ngân hàng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực.

[6] Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 03/10/2017, Khế ước nhận nợ lần 1 số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Khế ước nhận nợ làn 2 số 171017-3887053-01-SME ngày 17/10/2017 giữa Công ty và Ngân hàng, bản sao kê và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp và lời khai của Ngân hàng thì có cơ sở xác định:

[6.1] Ngày 03/10/2017, Công ty có vay của Ngân hàng số tiền 203.949.073đồng (Khế ước nhận nợ lần 1 số 220917-4020712-01-SME), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng /01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/11/2017, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng + biên độ 19%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn trả nợ: Bên vay trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 10/11/2017, tổng cộng 12 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc và lãi là 17.000.000đồng , riêng kỳ cuối trả nợ gốc và lãi là 16.949.073đồng. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc 34.000.000đồng (ngày 17/11/2017 thanh toán số tiền 14.453.596 đồng và ngày 15/12/2017 thanh toán 19.546.404đồng) và số tiền nợ lãi là 9.990.515đồng (vào các ngày 10/11/2017 số tiền 283.118đồng, 17/11/2017 số tiền 5.416.346đồng, 01/12/2017 số tiền 390đồng và ngày 15/12/2017 thanh toán 4.290.661đồng). Công ty còn nợ lại Ngân hàng nợ gốc 169.949.073đồng, tiền lãi từ ngày 03/10/2017 đến 08/10/2019 là 122.584.366đồng (lãi trong hạn là 3.923.091đồng, lãi quá hạn là 118.661.275đồng, phạt chậm trả lãi là 11.569.646đồng). Tổng cộng là 304.103.086đồng.

[6.2] Ngày 17/10/2017, Công ty có vay của Ngân hàng số tiền 24.002.000đồng (Khế ước nhận nợ lần 2 số 171017-3887053-01-SME), thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay vốn là thanh toán cho hóa đơn số 0000636 ngày 07/10/2017 cho Công ty TNHH ắc quy Tân Toàn. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng /01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 17/11/2017, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng + biên độ 19%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn trả nợ: Bên vay trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 10/11/2017, tổng cộng 12 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc và lãi là 2.100.000đồng , riêng kỳ cuối trả nợ gốc và lãi là 902.000đồng. Công ty đã thanh toán nợ gốc là 4.211.877 đồng (vào ngày 17/11/2017 số tiền 2.100.000đồng, ngày 15/12/2017 số tiền 2.100.000đồng, ngày 10/01/2018 số tiền 11.877đồng) và nợ lãi là 1.349.653đồng (vào ngày 17/11/2017 số tiền 430.058đồng, ngày 15/12/2017 số tiền 494.237đồng và ngày 10/01/2018 số tiền 425.358đồng). Công ty còn nợ lại Ngân hàng tiền nợ gốc là 19.790.123đồng, tiền lãi từ ngày 17/10/2017 đến 08/10/2019 là 13.844.780đồng (lãi

trong hạn là 458.521đồng, lãi quá hạn là 13.386.259đồng, phạt chậm trả lãi là 1.271.248đồng). Tổng cộng là 34.906.151đồng.

[7] Như vậy, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017 và Điều 1 Khế ước nhận nợ số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Điều 1 Khế ước nhận nợ số 171017-3887053-01-SME ngày 17/10/2017 nên phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận.

[8] Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc Công ty B trả cho Ngân hàng các số tiền sau:

[8.1] Theo Khế ước nhận nợ số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017: tiền gốc còn phải trả là 169.949.073đồng, tiền lãi từ ngày 03/10/2017 đến 08/10/2019 là 122.584.366đồng (lãi trong hạn là 3.923.091đồng, lãi quá hạn là 118.661.275đồng, phạt chậm trả lãi là 11.569.646đồng). Tổng cộng là 304.103.086đồng.

[8.2] Theo Khế ước nhận nợ số 171017-3887053-01-SME ngày 17/10/2017: tiền gốc còn phải trả là 19.790.123đồng, tiền lãi từ ngày 17/10/2017 đến 08/10/2019 là 13.844.780đồng (lãi trong hạn là 458.521đồng, lãi quá hạn là 13.386.259đồng, phạt chậm trả lãi là 1.271.248đồng). Tổng cộng là 34.906.151đồng.

[8.3] Ngoài ra, kể từ ngày 08/10/2019, Công ty vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

[9] Về trách nhiệm của người bảo lãnh: Hợp đồng bảo lãnh số 220917-4020712-01-SME/HĐBL ngày 03/10/2017 được ký giữa bên bảo lãnh là ông Võ Minh T, bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng. Căn cứ quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng bảo lãnh thì ông Võ Minh T đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác được ký giữa Công ty B và bên Ngân hàng (bao gồm cả các khế ước nhận nợ). Vì vậy, căn cứ nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bảo lãnh, Điều 339, Điều 342 Bộ luật dân sự, trong trường hợp Công ty không thực thiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như trên thì ông Võ Minh T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

[10] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.950.500đồng, Công ty B phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc Công ty B phải trả cho Ngân hàng V các số tiền nợ gồm:

- Số tiền 304.103.086đồng, gồm: tiền gốc là 169.949.073đồng, tiền lãi trong hạn là 3.923.091đồng, lãi quá hạn là 118.661.275đồng, phạt chậm trả lãi là 11.569.646đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 03/10/2017 và Khế ước nhận nợ số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017 giữa Công ty B và Ngân hàng V.

- Số tiền 34.906.151đồng, gồm nợ gốc là 19.790.123đồng, tiền trong hạn là 458.521đồng, lãi quá hạn là 13.386.259đồng, phạt chậm trả lãi là 1.271.248đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 220917-4020712-01-SME ngày 03/10/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 03/10/2017 và Khế ước nhận nợ số 171017-3887053-01-SME ngày 17/10/2017 giữa Công ty B và Ngân hàng V.

Ngoài ra, Công ty B còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 09/10/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ tương ứng nêu trên cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty B không thực thiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như trên thì ông Võ Minh T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu cho Ngân hàng V theo Hợp đồng bảo lãnh số 220917-4020712-01-SME/HĐBL ngày 03/10/2017 được ký giữa ông Võ Minh T và Ngân hàng V.

2/Án phí:

Công ty B chịu án phí sơ thẩm là 16.950.500đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí là 7.035.270đồng, theo biên lai thu số AA/2018/0025143 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDHHM;
- THA DS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Phương Nam